



CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022

Kính thưa Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát (BKS) kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc; thẩm định kết quả hoạt động năm 2021 của Công ty cổ phần PETEC Bình Định (Công ty) như sau:

I. Tình hình tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát

BKS gồm có 3 thành viên, trong đó: 1 thành viên hoạt động theo cơ chế chuyên trách, 2 thành viên khác hoạt động theo cơ chế kiêm nhiệm.

Trong năm qua, BKS tập trung triển khai những nhiệm vụ cơ bản như sau:

- Thường xuyên xem xét, đánh giá các báo cáo về hoạt động SXKD và tình hình tài chính của Công ty;
- Tham gia các cuộc họp HĐQT để nắm bắt các chủ trương, định hướng phát triển và các quyết sách liên quan đến hoạt động của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc thực thi các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT; việc tuân thủ pháp luật đối với mọi mặt hoạt động của Công ty.

II. Kết quả giám sát hoạt động của thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

1. Hoạt động của HĐQT

- HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể; các quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT đều được lấy ý kiến các thành viên HĐQT dưới hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc bằng văn bản và thông qua theo nguyên tắc đa số;
- Lãnh đạo Công ty thực hiện kế hoạch SXKD và các nhiệm vụ trọng tâm mà ĐHĐCĐ năm 2021 đã giao.
- Tổ chức giám sát Tổng giám đốc và cán bộ quản lý trong việc điều hành, thực thi các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Qua giám sát, BKS nhận thấy năm 2021 Công ty đã chịu ảnh hưởng rất lớn từ Đại dịch Covid-19, ĐHCĐ thường niên năm 2021 sau nhiều lần phải trì hoãn và được tổ chức vào ngày 04/11/2022, tuy nhiên các thành viên HĐQT cũ cũng như thành viên HĐQT mới đã thực hiện đầy đủ quyền hạn, nhiệm vụ được giao trong việc chỉ đạo, quản lý và điều hành Công ty phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Luật Doanh nghiệp. Đặc biệt là các thành viên HĐQT mới sau khi được bầu bổ sung thay thế đã rất tích cực và nỗ lực để triển khai các kế hoạch kinh doanh mới, xây dựng, củng cố lại hệ thống, nhân sự và mở rộng thị trường, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc điều hành đã triển khai và thực hiện nghiêm túc nội dung các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT; thực thi quyền hạn, nhiệm vụ được giao trong việc

điều hành mọi mặt hoạt động của Công ty một cách cẩn trọng, tuân thủ đúng pháp luật và các qui định nội bộ của Công ty; đảm bảo sự ổn định về mặt tổ chức, nỗ lực trong việc triển khai và điều hành kết quả kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

III. Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh 2021

Trong năm 2021, hoạt động kinh doanh của Công ty tập trung vào các ngành hàng chính: kinh doanh xăng dầu (bán buôn và bán lẻ), kinh doanh xi măng, cho thuê mặt bằng

1. Tổ chức, nhân sự, lao động tiền lương

- Cơ cấu tổ chức của Công ty gồm: HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc, 4 phòng/bộ phận nghiệp vụ: P.KDXD, P.KDTH, P.ĐT và TC-H, P.TCKT,

- Tổng số lao động của toàn Công ty tại thời điểm 31/12/2021 là: 76 người. Trong đó nhân viên quản lý 19 người

- Quỹ lương thực hiện năm 2021 là: 9.158.509.007 đồng; thu nhập bình quân từ quỹ lương của người lao động là: 5.540.000 đồng/người/tháng.

2. Về hoạt động đầu tư

- Đầu tư tài chính: đến ngày 31/12/2021, tổng giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác là: 5.479.064.524 đồng. Công ty trích lập dự phòng đầu tư tài chính đến cuối năm 2021 là: 4.432.997.172 đồng

- Đầu tư XDCB và mua sắm tài sản phục vụ SXKD: 1.781.942.546 đồng

3. Tình hình ký kết HĐKT và quản lý công nợ

- Ký kết hợp đồng kinh tế: Công ty tổ chức ký kết hợp đồng kinh tế đầy đủ với các đại lý xăng dầu, khách hàng xi măng và các khách hàng mua hàng có giá trị lớn (dịch vụ cấp lẻ và bán sỉ) tại CHXD; nội dung hợp đồng phù hợp với các qui định của pháp luật.

- Công nợ: Tổng nợ phải thu đến 31/12/2021 là: 21.071.238.468 đồng (giảm 18.375.976.434 đồng so với thời điểm 31/12/2020).

Công tác quản lý công nợ tuân thủ theo đúng Quy chế quản lý công nợ hiện hành; việc đối chiếu công nợ tại thời điểm cuối tháng và cuối năm được thực hiện đầy đủ và nghiêm túc; nợ quá hạn đã được trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định, năm 2021, Công ty đã trích lập bổ sung dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền là: 494.066.166 đồng, lũy kế số trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đến 31/12/2021 là: 3.091.493.239 đồng.

4. Tổ chức hệ thống kế toán

- Công tác tổ chức kế toán của Công ty đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ kinh doanh của Công ty.

- Về sổ sách kế toán: Hình thức kế toán áp dụng ở đây là hình thức kế toán nhật ký chứng từ. Các loại sổ sách được mở và lưu trữ hợp lý. Công tác ghi chép, lưu trữ chứng từ đảm bảo đúng chế độ.

5. Tình hình báo cáo tài chính và kê khai nộp thuế

- Công ty có thực hiện chế độ quyết toán tháng, quyết toán quý được nộp cho các cơ quan có liên quan đầy đủ.

- Các báo cáo thuế được lập đầy đủ, kịp thời và gửi cho cơ quan thuế đúng quy định, các khoản thuế phát sinh được kê khai và nộp đầy đủ.

6. Về việc thực hiện hạn mức vay theo Điều lệ và phân cấp của HĐQT

Tổng Giám đốc đã thực hiện việc vay ngân hàng trên cơ sở hạn mức theo phân cấp của HĐQT là: 80 tỷ đồng, số dư nợ ngân hàng ngày 31/12/2021 là: 29.527.078 đồng, Giảm 4.889.456.572 đồng, so với thời điểm 31/12/2020.

IV. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2021

Báo cáo tài chính năm 2021 (từ ngày 01/01/2021 - 31/12/2021) của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC. Sau khi thẩm định, Ban Kiểm soát thống nhất số liệu quyết toán như sau:

1. CÁC CHỈ TIÊU VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: đồng

TÀI SẢN	31/12/2021	01/01/2021
I. TÀI SẢN NGẮN HẠN	52.105.311.643	57.847.847.564
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	23.363.129.039	6.554.823.133
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	200.000.000	200.000.000
3. Các khoản phải thu	20.218.638.136	44.775.974.641
Trong đó: dự phòng phải thu khó đòi	(3.091.493.239)	(2.597.427.073)
4. Hàng tồn kho	7.880.683.143	6.084.924.313
5. Tài sản ngắn hạn khác	169.861.325	232.125.477
II. TÀI SẢN DÀI HẠN	28.949.227.437	30.197.922.424
1. Tài sản cố định	27.868.104.177	23.547.314.403
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.046.067.352	847.666.158
Trong đó: dự phòng giảm giá CK đầu tư dài hạn	(4.432.997.172)	(4.631.398.366)
3. Tài sản dài hạn khác	35.055.908	78.760.639
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	81.054.539.080	88.045.769.988
NGUỒN VỐN		
I. NỢ PHẢI TRẢ	16.461.916.084	26.660.398.028
1. Nợ ngắn hạn	15.931.916.084	25.920.398.028
2. Nợ dài hạn	500.000.000	740.000.000
II. VỐN CHỦ SỞ HỮU	64.622.622.996	61.385.371.960
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	40.391.470.000	40.391.470.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	(54.000.000)	(54.000.000)
2. Quỹ đầu tư phát triển	17.028.679.974	17.028.679.974
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	7.256.473.022	4.019.221.986
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	81.054.539.080	88.045.769.988

2. Kết quả kinh doanh

DVT: đồng

Doanh thu bán hàng và dịch vụ	289.594.208.758
Giá vốn hàng bán	261.473.791.257
Lợi nhuận gộp bán hàng và dịch vụ	28.120.417.501
Doanh thu hoạt động tài chính	362.795.484
Chi phí hoạt động tài chính	(42.390.972)
Chi phí bán hàng	21.748.629.953
Chi phí QLDN	6.023.442.075
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	753.531.929
Lãi khác (thu nhập khác - phí khác)	3.684.613.015
Tổng lợi nhuận trước thuế	4.438.144.944
Thuế TNDN phải nộp	900.893.908
Tổng lợi nhuận sau thuế	3.537.251.036
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS)	876

3. Một số ghi nhận về báo cáo tài chính của Công ty

** Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình tài chính và hiệu quả kinh doanh*

CHỈ TIÊU	NĂM 2021
1. Vốn lưu động thuần (NWC)	36.1 tỷ đồng
2. Tỷ số thanh toán	
Khả năng thanh toán tổng quát	4,9
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	3,2
Khả năng thanh toán nhanh	2,7
Khả năng thanh toán tức thời	3,2
3. Tỷ số cơ cấu tài chính	
3.1. Cơ cấu tài sản:	
Tài sản dài hạn/Tổng TS	35,7
Tài sản ngắn hạn/Tổng TS	64,3
3.2. Cơ cấu nguồn vốn:	
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	20,2
Vốn CSH/Tổng nguồn vốn	79,8
4. Tỷ số về doanh lợi	
4.1. Tỷ suất lợi nhuận/Doanh thu	
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	1,5
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	1,22
4.2. Tỷ suất lợi nhuận/Tổng TS (ROA)	4,3
4.3. Tỷ suất lợi nhuận/Vốn CHS (ROE)	5,5

4. Nhận định, đánh giá kết quả kinh doanh và tài chính năm 2021

- Tổng doanh thu thực hiện là: 289,6 tỷ đồng, đạt 93,3% so với kế hoạch doanh thu năm 2021 (310 tỷ đồng) được ĐHĐCĐ thường niên thông qua.

- Lợi nhuận thực hiện sau thuế là: 3,537 tỷ đồng, kế hoạch lợi nhuận năm 2021 (0 đồng) được ĐHĐCĐ thường niên thông qua.

- Tình hình tài chính của Công ty lành mạnh: khả năng thanh toán nợ được đảm bảo; cơ cấu tài sản (64,3% là tài sản ngắn hạn và 35,7% là tài sản dài hạn) phù hợp với loại hình công ty thương mại; các khoản đầu tư dài hạn đều được tài trợ từ nguồn vốn dài hạn nên khả năng thanh khoản được kiểm soát tốt. Tuy nhiên, Công ty cần tập trung tăng cường công tác quản lý nợ và thu hồi nợ, đặc biệt là đối với các khoản nợ tồn đọng quá hạn trên 3 tháng để giảm thiểu chi phí do phải trích lập dự phòng làm giảm lợi nhuận kinh doanh và kiểm soát được rủi ro nhằm đảm bảo an toàn tài chính.

- Tính đến thời điểm 31/12/2021, theo số lượng cổ phiếu hiện tại, giá trị cổ phần theo sổ sách kế toán là 15.999 đồng/CP, so với mệnh giá 10.000 đồng/CP thì vốn của cổ đông đã được bảo toàn và phát triển..

5. Kết quả phân phối lợi nhuận sau thuế

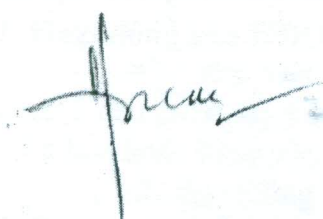
- Kết quả phân phối lợi nhuận năm 2020 đã được Công ty thực hiện đúng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021 phê duyệt.

- Tình hình lợi nhuận năm 2021 của Công ty đã được tạm phân phối như sau:

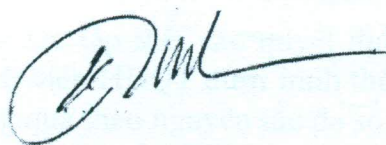
1/ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 2020 chuyển sang	3.719.221.986
2/ Lợi nhuận sau thuế năm 2021	3.537.251.036
3/ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại	7.256.473.022
4/ Mức trả cổ tức/cổ phần	0 đ/cp/năm
5/ Tỷ suất cổ tức/Giá thị trường	15,5%

Trên đây là báo cáo của BKS về tình hình hoạt động trong năm 2021. Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua.

CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

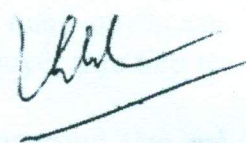


Hoàng Anh Tuấn



Nguyễn Văn Ánh

Trưởng ban



Nguyễn Thanh Lâm